

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: THĂNG PHÁP PHỔ THÔNG

Bài học ngày 21.10.2022

THĂNG PHÁP TẬP YẾU (ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA)

35. Thuộc Tánh Biệt Cảnh (pakiṇṇaka)

(1) Vitakko, (2) vicāro, (3) adhimokkho, (4) viriyam, (5) pīti, (6) chando cā ti cha ime cetasikā pakiṇṇakā nāma. Evam ete terasa cetasikā aññasamānā ti veditabbā.

Vitakka: Tâm

Vicāra: Tư

Adhimokkho: Thăng giải

Viriyam: Cần

Pīti: Hỷ

Chando: Dục

Cāti: Ca + iti: và

Cha: Sáu

Ime cetasikā: Những tâm sở này

Pakiṇṇakā: Biệt cảnh

Nāma: Gọi là

Chú thích

Biệt Cảnh (Pakiṇṇaka) nghĩa là có trường hợp có, có trường hợp không. Từ vựng “***biệt Cảnh*** (Pakiṇṇaka)” đối nghĩa với “***Biến hành*** (Sabbacittasādhāraṇa)” ở đây có thể bị hiểu lầm là chỉ riêng cảnh nào đó. Thật ra nên hiểu là đối với sự kết hợp với tâm thì “có khi có, có khi không” trong lúc biến hành có nghĩa là “luôn có”.

Nhóm ***thuộc tánh biệt cảnh*** mang những đặc tánh mà không phải tâm nào cũng có. Những đặc tánh này thường có ý nghĩa quan trọng đối với tâm lý học Phật giáo. Có tất cả 6 thuộc tánh tợ tha biệt cảnh:

Thuộc tánh tầm (vitakka) là cơ phận hướng tâm đến cảnh. Có thể hiểu như một người lính trong binh chủng pháo binh có trách nhiệm chắm toạ độ. Nên lưu ý là có nhiều sự khác biệt trong cách dùng từ vitakka y cứ trên ngữ cảnh trong Tam Tạng. Trong lúc Thắng Pháp Tạng dùng từ vựng “tầm” chỉ cho hướng tâm đến cảnh thì trong Kinh Tạng có nghĩa là ý nghĩa, suy tầm, ý hướng. Thuộc tánh này là một trong năm thiền chi và là một trong tám đạo chi (được gọi là chánh tư duy).

Thuộc tánh tứ (vicāra) là cơ phận gắn bó với cảnh. Sự khác biệt giữa tầm và tứ có thể hiểu qua hai thí dụ sau: người ta thường dùng những sticker pad để ghi chú dán lên chỗ nào đó nơi làm việc. Động tác làm là dán dính những miếng giấy nhỏ đó. Tầm như dán, còn tứ như dính. (Trong các bản dịch tiếng Anh tầm được dịch là applied thought, tứ dịch là sustained thought). Các bản sớ giải thường dùng thí dụ con ong (tầm) và hoa (cảnh). Bay hướng đến đóa hoa là tầm, bay chung quanh đóa hoa là tứ.

Thuộc tánh thắng giải (adhimokkha) là cơ phận mang tánh quyết định dứt khoát. Có một chữ theo văn nói ngày nay rất chính xác để nói về thuộc tánh này là “chốt”. Nói cách khác là sự lựa chọn dứt khoát. Thí dụ như khách hàng nhìn thực đơn có trăm thứ để lựa rồi làm sự lựa chọn.

Thuộc tánh cần (viriya) là cơ phận mang tính lực đẩy. Thí dụ thuộc tánh cần như mã lực của một bộ máy. Thuật viriya dịch là cần có thể tạo sự hiểu lầm là sự cố gắng. Người ta có thể cố gắng trong sự yếu ớt thất thế. Viriya ở đây không phải vậy mà là năng lượng (energy).

Thuộc tánh hỷ (pīti) là cơ phận mang tính hân hoan đối với cảnh. Thuộc tánh này thường bị lầm lẫn với thọ hỷ trong năm trạng thái của thuộc tánh thọ (vedanā). Thọ hỷ làm cảm giác hay cảm nhận thoải mái ở vị thế cảm biến thụ động của thọ trong lúc thuộc tánh hỷ là trạng thái hân hoan mang tánh chủ động. Thọ hỷ như một người gác cổng thấy vui vì người khách lịch sự thân thiện trong lúc thuộc tánh hỷ như một viên chức cao cấp thấy vui mừng vì người khách có khả năng là người hợp tác có nhiều tiềm lực. Có một chữ mà Ngài Hộ Tông thường dùng, mặc dù không phổ thông, nhưng rất tốt để dịch chữ pīti là phi (喜) là thoải thích, no vui.

Thuộc tánh dục (chanda) là cơ phận nói lên ý muốn. Ý muốn này không nên hiểu là sự ham muốn của tham. Có thí dụ là một người bán cung muốn bán một mũi tên. Nếu gọi là tham đối với mũi tên thì không thể bán đi vì sẽ mất mũi tên. Ý muốn bán mũi tên là thuộc tánh dục.

Sáu thuộc tánh biệt cảnh dù nằm trong nhóm tợ tha (có thể là thiện, là bất thiện, hay không thiện không bất thiện) nhưng lại có nhiều liên hệ quan trọng đối với những bảng liệt kê về thiện pháp mà sau này sẽ đề cập tới. Rất cần thiết để người học hiểu chính xác về ý nghĩa của từ vựng trên cả hai phương diện vĩ mô và đại loại.

Tỳ khuru Giác Đăng biên soạn